



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*

HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; <http://www.boa.gov.vn>

QUY ĐỊNH RIÊNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P.

*SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF
CB OPERATING CERTIFICATION OF GLOBALG.A.P.*

Mã số/ *Code*: ARC.10

Lần ban hành/ *Issue number*: 5.24

Ngày ban hành/ *Issue date*: 05/12/2024

1. Mục đích

Tài liệu này đưa ra yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận GLOBALG.A.P. (TCCN).

2. Tài liệu liên quan

- GLOBALG.A.P. General Regulations V5
- GLOBALG.A.P. General Regulations – Rules for Certification Bodies V6
- GLOBALG.A.P. Supporting Document – Scope of ISO/IEC 17065 Accreditation for GLOBALG.A.P. Standards

3. Yêu cầu về khách hàng của TCCN

TCCN phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

4. Yêu cầu về năng lực Đánh giá viên và Kiểm tra viên của TCCN

Đánh giá viên và Kiểm tra viên phải có trình độ Đại học trở lên.

5. Phạm vi công nhận và các chuẩn mực công nhận, chuẩn mực chứng nhận tương ứng

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các phạm vi như sau:

1. Purpose

This document specifies the requirements for accreditation of GLOBALG.A.P. certification bodies (CB).

2. Reference

- GLOBALG.A.P. General Regulations V5
- GLOBALG.A.P. General Regulations – Rules for Certification Bodies V6
- GLOBALG.A.P. Supporting Document – Scope of ISO/IEC 17065 Accreditation for GLOBALG.A.P. Standards

3. Requirements regarding clients of CB

CB shall complete the certification process for at least 01 client.

4. Requirements regarding competence of CB's Auditors and Inspectors

Auditors and Inspectors shall be at least university graduated.

5. Scope of accreditation and relevant accreditation criteria, certification criteria

BoA grants accreditation for CBs according to the following scopes:

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Tiêu chuẩn đảm bảo nông trại tích hợp (IFA) V5 – Trang trại trồng trọt <i>Integrated Farm Assurance (IFA) V5 Standard – Crop Base</i>	Rau quả <i>Fruit & vegetables</i>	GLOBALG.A.P. IFA Control Points and Compliance Criteria Version 5	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Version 5
	Hoa và cây cảnh <i>Flowers & ornamentals</i>		
	Cây lương thực <i>Combinable Crops</i>		
	Giống cây trồng <i>Plant propagation material</i>		
	Chè <i>Tea</i>		
	Hoa bia <i>Hop</i>		

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Tiêu chuẩn đảm bảo nông trại tích hợp (IFA) V6 – Thực vật (phiên bản Smart và GFS) <i>Integrated Farm Assurance (IFA) V6 Standard – Plants (Smart and GFS edition)</i>		IFA Smart Principles and Criteria – Fruit and Vegetables IFA GFS Principles and Criteria – Fruit and Vegetables IFA Smart Principles and Criteria – Hops IFA Smart Principles and Criteria – Flowers and Ornamentals	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Version 6 (Smart and GFS edition)
Tiêu chuẩn đảm bảo nông trại tích hợp (IFA) V5 – Trang trại chăn nuôi <i>Integrated Farm Assurance (IFA) V5 Standard – Livestock Base</i>	Gia súc và cừu <i>Cattle & sheep</i>	GLOBALG.A.P. IFA Control Points and Compliance Criteria Version 5	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Version 5
	Bê và bò non <i>Calf & young Beef</i>		
	Vật nuôi lấy sữa <i>Dairy</i>		
	Lợn <i>Pigs</i>		
	Gia cầm <i>Poultry</i>		
	Gà tây <i>Turkey</i>		
Tiêu chuẩn đảm bảo nông trại tích hợp (IFA) V5 – Trang trại thủy sản <i>Integrated Farm Assurance (IFA) V5 Standard – Aquaculture Base</i>		GLOBALG.A.P. IFA Control Points and Compliance Criteria Version 5	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Version 5
Tiêu chuẩn đảm bảo nông trại tích hợp (IFA) V6 – Thủy sản (phiên bản Smart và GFS) <i>Integrated Farm Assurance (IFA) V6 Standard – Aquaculture (Smart and GFS edition)</i>		IFA Principles and Criteria – Aquaculture (Smart/GFS)	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Version 6 (Smart and GFS edition)
Truy xuất nguồn gốc <i>Chain of Custody</i>		GLOBALG.A.P. Chain of Custody Standard – Control Points and Compliance Criteria Version 6	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. Chain of Custody Standard – General Regulations Version 6

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗn hợp <i>Compound Feed Manufacturing</i>		GLOBALG.A.P. Compound Feed Manufacturing – Control Points and Compliance Criteria Version 3	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. Compound Feed Manufacturing General Rules Version 3

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các lựa chọn sau:

- Lựa chọn 1: Chứng nhận đơn lẻ;
- Lựa chọn 1: Nhiều địa điểm không có QMS;
- Lựa chọn 1: Nhiều địa điểm có QMS;
- Lựa chọn 2.

6. Yêu cầu về đánh giá chứng kiến

Khi đánh giá chứng kiến, đoàn đánh giá công nhận phải có năng lực kỹ thuật.

6.1 Chứng kiến khi đánh giá công nhận lần đầu

Phải chứng kiến tối thiểu 01 phân nhóm (nếu có) trong mỗi nhóm đăng ký công nhận.

Để công nhận cho Lựa chọn 1 - Nhiều địa điểm có QMS và Lựa chọn 2, phải chứng kiến ít nhất 01 cuộc theo một trong các Lựa chọn này.

6.2 Chứng kiến để duy trì công nhận

Trong 04 năm đầu của chu kỳ công nhận (từ khi bắt đầu chu kỳ công nhận đến khi kết thúc năm thứ 4 của chu kỳ công nhận):

- Phải chứng kiến tất cả các nhóm và phân nhóm được công nhận;
- Phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc theo Lựa chọn 1 - Nhiều địa điểm có QMS hoặc Lựa chọn 2 nếu phạm vi công nhận có bao gồm các lựa chọn này.

Ngoài ra, trong một chu kỳ công nhận cần chứng kiến:

- Các đánh giá viên và kiểm tra viên khác nhau;
- Các khách hàng khác nhau;
- Các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát, đánh giá tái chứng nhận).

BoA grants accreditation for CBs according to the following Options:

- Option 1: Individual Certification;
- Option 1: Multisite without QMS;
- Option 1: Multisite with QMS;
- Option 2.

6. Requirements regarding witnessing

In witnessing assessment, the assessment team shall have technical competence.

6.1 Witnessing for initial assessment

At least 01 sub-scope (if any) shall be witnessed for each applied scope.

To grant accreditation for Option 1 – Multisite with QMS and Option 2, at least 01 witnessing of one of these Options shall be conducted.

6.2 Witnessing for maintaining of accreditation

In the first 4 years of an accreditation cycle (from the beginning of the cycle to the end of the fourth year of the cycle):

- All the accredited scopes and sub-scopes shall be witnessed;
- At least 01 witnessing of Option 1 – Multisite with QMS or Option 2 shall be witnessed if included in the scope of accreditation;

In addition, in an accreditation cycle, it is necessary to witness:

- Different auditors and inspectors;
- Different audited clients;
- Different types of audit (initial certification, surveillance and re-certification).

6.3 Chứng kiến để mở rộng phạm vi công nhận

Khi mở rộng thêm nhóm, phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc cho mỗi nhóm đăng ký mở rộng.

Không yêu cầu chứng kiến khi mở rộng thêm phân nhóm trong cùng nhóm đã được công nhận.

6.3 Witnessing for extension of accreditation

At least 01 witnessing shall be conducted for each scope applied for extension.

Witnessing is not required for extension to new sub-scope within an accredited scope.

7. Xác định thời lượng đánh giá công nhận

7. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu hệ thống (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD
• Đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD
• Đánh giá mở rộng/ <i>Extension assessment</i>	1 MD mỗi nhóm/ <i>each scope</i>
• Đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i>	1 MD mỗi địa điểm/ <i>each site</i>
• Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i>	30% tổng thời lượng đánh giá 30% of total assessment time
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ/ <i>Reviewing of assessment records</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	1 MD
• Các loại hình đánh giá khác/ <i>Other types of assessment</i>	0.5 MD

Ghi chú/ *Note*: MD (manday) – Ngày công đánh giá